

Số: /TMBG-TTYT

Đắk Song, ngày tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23/06/2023 và Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 05/2024/TT-BYT, ngày 14 tháng 05 năm 2024. Thông tư Quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Công văn 1844/SYT-NVYD, ngày 19 tháng 6 năm 2024 “Về việc triển khai công tác mua sắm thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, theo Công văn 3314/BYT-KH-TC

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Đắk Song tại tổ 1 Thị Trấn đức An - Đắk Song - Đắk Nông đang chuẩn bị để đấu thầu gói thầu mua sắm vật tư Y tế, hoá chất, sinh phẩm cho năm 2024, nhằm duy trì hoạt động chuyên môn tại đơn vị;

Nay Trung tâm Y tế huyện Đắk Song kính gửi các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam danh mục sản phẩm để xin báo giá xây dựng giá kế hoạch (có phụ lục danh mục đính kèm).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng, nhà cung cấp tại Việt Nam để chúng tôi mua sắm kịp thời phục vụ công tác khám chữa bệnh, duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị;

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm gửi báo giá bản gốc: trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện địa chỉ đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Đắk Song, tổ 1 - Thị Trấn Đức An - Đắk Song - Đắk Nông Hoặc gửi trực tiếp tới DS Nguyễn Thị Bích Thủy Trưởng khoa Dược -TTB-VTYT, điện thoại 0983.599.955. Kèm theo có thể gửi bản scan Báo giá qua Email:bichthuypharmacy@gmail.com

Thời gian nhận báo giá từ 8 h ngày 25/6/2024 đến trước 17 h ngày 17/7/2024, các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá 120 ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày tính từ thời điểm báo giá.

Rất mong được hợp tác cùng Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHNV, IT (đăng tải Web TTYT);
- Bộ phận KT (Đăng tải lên MĐT quốc gia);
- Lưu VT, TCHC-KT, Dược.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Trúc

Phụ lục 1

Dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao, hóa chất khử khuẩn, Test sinh phẩm các loại
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày tháng 06 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Song)

ĐVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Mã hàng theo Quyết định 5086/QĐ-BYT	Xuất xứ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Phần I. Băng thun, Băng keo, Băng, Băng gạc, găng tay, khẩu trang y tế, dây truyền dịch các loại								
1	Băng thun gói co giãn	Băng cố định khớp gối trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, kích thước			Cuộn	Cuộn	20		
2	Băng thun Y tế 2 móc	Băng thun y tế dệt từ sợi Polyester và sợi cao su.			Cuộn	Cuộn	100		
3	Băng thun y tế 3 móc	Băng thun y tế dệt từ sợi Polyester và sợi cao su.			Cuộn	Cuộn	220		
4	Băng cuộn 0,07m x 2,5m	Được làm từ 100% sợi cotton.Khả năng thấm hút cao và nhanh.Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da, kích thước 7cm x 2,5m			Cuộn	Cuộn	600		

5	Băng keo chỉ thị nhiệt	Băng keo chỉ thị nhiệt kích cỡ 12mm*55m. Băng keo chỉ thị nhiệt là cuộn băng dán bằng giấy tổng hợp giãn nở theo nhiệt, mặt trên có các vạch mực in thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với nhiệt độ và hơi nước trong một khoảng thời gian nhất định. - Sản phẩm đạt chứng nhận CE Marking- Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN ISO 13485:2016			Cuộn	Cuộn	10		
---	------------------------	---	--	--	------	------	----	--	--

6	Chỉ thị nhiệt độ đa thông số	* Chỉ thị hóa học hơi nước 1243 được sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ* Bao gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. * Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bắc giấy. * Dễ đọc kết quả với thiết kế màu sắc sinh động nhìn thấy được qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt.* Mặt sau có màu Trắng / Đỏ: Dễ dàng tìm thấy hơn (ngay cả khi bị lật úp trong khay dụng cụ)* Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014.* Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và áp suất (hơi nước). * Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học * Sản phẩm không chứa chì* Khuyến nghị sử dụng bởi AORN 2020 : sử dụng bên trong mỗi gói dụng cụ			Test	Test	1.200		
7	Băng bột bó kích thước 15cmx2,7m	Sản phẩm làm từ bông gạc cao cấp và thạch cao chất lượng cao, bao bì được tráng nhôm			Cuộn	Cuộn	500		

8	Băng bột bó sợi thủy tinh kích thước 7.6cm	Băng bó có kết cấu bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt, nhẹ mỏng thời gian khô nhanh			cuộn	Cuộn	500		
9	Băng keo lụa 1,25 cm x 5 m	Size 1.25 x 5 dùng để cố định cách loại băng dùng để băng vết thương và các thiết bị y tế (catheter, kim truyền,...) Keo có độ dính lâu dài, dính chắc trong tất cả các trường hợp, Lỗ thoát khí nhỏ: giúp da thông thoáng, dùng được cho da nhạy cảm			Cuộn	Cuộn	1.200		
10	Băng keo y tế 2,5 cm x 5 m	" Size 2.5cm x 5m thông thoáng cho da nhạy cảm, giúp kèm giữ nhanh, chắc chắn			Cuộn	Cuộn	1.000		
11	Băng thun crepe 10cm x 4,5m	Dùng cố định xương sườn. Băng thun có độ đàn hồi cao; 10cm x 4.5m			Cuộn	Cuộn	30		
12	Băng thun crepe 8cm x 4,5m	Dùng cố định xương sườn. Băng keo cuộn co giãn; 8cm x 4.5 m			Cuộn	Cuộn	20		
13	Bông y tế 100gr	Bông y tế thấm nước 100g			Gói	Gói	380		
14	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 1kg			Kg	Kg	50		
15	Bông mỡ (Bông không thấm nước)	Bông không hút nước (1kg)			Kg	Kg	5		
16	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng xếp cuộn, 10 x	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng cản quang			Miếng	Gói 10 miếng	30.000		

	10cm x 8 lớp								
17	Gạc phẫu thuật cản quang, cỡ 30 x 40cm x 6 hoặc 8 lớp	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 6 lớp (có cản quang, tiệt trùng) Hoặc 30x40x8 lớp			Miếng	Gói 5 miếng	1.500		
18	Gạc miếng tẩm Vaseline	Kích thước 19 x 65 mm; thùng 100 gói x 10 miếng			Miếng	Hộp 10 miếng	1.000		
19	Gạc cầu sản khoa fi 45 có sợi cản quang VT	Hình cầu, Bông hút 100% cotton được bọc kín bởi một lớp gạc y tế tạo thành cầu bông, có độ thấm hút cao. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.			Cái	Cái	1.000		
20	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 20cm x 8 lớp vô trùng cản quang	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton hoặc vải không dệt có độ thấm hút cao. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Có sợi cản quang. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.			Gói	Gói/5 miếng	100		
21	Gạc tiệt trùng 12 lớp (5 x 6,5cm)	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước , Quy cách: 5cm x 6,5cm x 12 lớp, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO),			Gói	Gói 10 miếng	6.000		

22	Gạc phẫu thuật nội soi ổ bụng không dệt, KT 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp	Gạc phẫu thuật nội soi ổ bụng không dệt, dùng trong mổ nội soi ruột thừa			gói	Gói 10 miếng	150		
23	Khẩu trang y tế 3 lớp	Nguyên liệu: - 2 lớp ngoài: vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước - 1 lớp giữa: vải lọc : Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước Quy cách: 3 lớp, có gọng, Loại: không tiết trùng			Cái	Hộp 25; Hộp 50 cái	15.000		
24	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 3 lớp/ 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Đã tiết trùng bằng khí Eo			Cái	Hộp 25; Hộp 50 cái	25.000		
25	Găng tay phẫu thuật vô trùng các số	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiết trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột và không bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám			Đôi	Hộp 50 đôi	11.000		
26	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay cao su khám bệnh có bột được làm từ cao su thiên nhiên bề mặt nhám hoặc mịn, bề mặt kết cấu thuận cả hai tay, sử dụng một lần. Dài tối thiểu 240mm.			Đôi	Hộp 50 đôi	150.000		
27	Găng tay sản	Găng sản khoa đã tiết trùng dài 500 mm sản			đôi	túi 1	200		

	khoa	xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần.				đôi; túi 10 đôi			
28	Dây truyền dịch có kim cánh bướm	Dây truyền dịch kim cánh bướm với thành phần từ nhựa PVC mềm, trong suốt, không chứa chất gây độc, gây sốt. Vật liệu kết cấu kim truyền chắc chắn, không bị gãy trong điều kiện sử dụng bình thường			Cái	túi 1 cái; túi 10 cái; túi 20 cái, túi 25 cái	500		
29	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch; Dây dài 180cm,			Bộ	Túi 1 bộ, túi 10 bộ	1.000		
30	Dây truyền máu	Sử dụng cho mục đích truyền máu hoặc thành phần máu. - Có kim 18G x 1 1/2", 20 giọt / 1ml - Dùng để điều chỉnh lưu lượng máu trong vòng tuần hoàn cơ thể người bằng cách sử dụng ống thông tĩnh mạch và kim.			Bộ	Túi 1 bộ, túi 10 bộ	100		
31	Dây truyền dịch có kim	Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt để quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Chính được chính xác 20 giọt/ml, dài đến 150cm, chất liệu nhựa y tế mềm dẻo, đàn hồi tốt, không bị gãy.			Cái	túi 1 cái; túi 10 cái	10.000		
32	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các	Bơm tiêm nhựa 50ml Luer Lock được làm từ nhựa PP y tế, bề mặt gioăng phẳng, khử vô trùng bằng khí EO. Sử dụng phù hợp với máy			Cái	Cái	2.000		

	loại, các cỡ	bơm tiêm điện của các hãng máy bơm tiêm điện. Đóng gói bao bì Blister, sau khi tiệt trùng trên bao bì có chỉ thị màu chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 7886 - 2 ; ISO 13485							
Phần II. Đai, nẹp, vít các loại									
1	Áo cột sống các cỡ	Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (khóa Velcro), vải mút mềm, thun đàn hồi. Dự phòng tổn thương cột sống thắt lưng . . .			Cái	Cái	50		
2	Đai xương đòn các số	Chất liệu vải cotton, mút xốp, khóa Velcro các số			Cái	Cái	100		
3	Nẹp cẳng tay trái, phải, các cỡ	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, chiều dài 16-28cm, số đo vòng cổ tay < 8 cm - > 22 cm			Cái	Cái	470		
4	Nẹp cẳng cánh tay	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, băng nhám dính(Khóa velcro), nẹp hợp kim nhôm, Số đo độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay từ 19 cm đến > 40cm			Cái	Cái	100		
5	Nẹp chống xoay ngón	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, chiều cao 30-40cm, số đo vòng cổ chân < 20 cm - > 30cm, số đo vòng bắp chân < 35 cm - > 45 cm			Cái	Cái	150		

6	Nẹp cánh tay	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 35-45cm			Cái	Cái	50		
7	Nẹp đùi dài	Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn số đo vòng đùi > 60cm, chiều dài ≥ 70 cm, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập			Cái	Cái	60		
8	Đai desautl trái, phải các cỡ	Cổ định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro.			Cái	Cái	100		
9	Nẹp ngón 3 châu	Chất liệu bằng nhôm có dán mút mềm, chức năng: giữ cố định các đốt ngón tay			cái	Cái	400		
10	Nẹp ngón tay	Nẹp nhôm thẳng 25 cm, Chất liệu bằng nhôm dẻo có dán mút mềm có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay, chức năng: giữ cố định các đốt ngón tay.			Cái	Cái	500		
11	Nẹp cẳng chân các cỡ	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 65cm-75cm, số đo vòng cổ chân < 20cm - > 30 cm, số đo vòng bắp đùi < 45 cm - > 55 cm			Cái	Cái	200		
12	Nẹp cổ cứng	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập			Cái	Cái	15		

13	Nẹp cổ mềm	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu mút mềm, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập			Cái	Cái	10		
14	Đinh Kirschner các cỡ	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu 0.4 các cỡ			Cái	Cái	12		
15	Nẹp bản nhỏ 6 lỗ dùng vít 3.5mm	Thân có 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 12/ 13/ 14 lỗ, dài 25/ 37/ 49/ 61/ 73/ 85/ 97/ 109/ 121/ 145/ 157/ 169mm"			Cái	Cái	10		
16	Nẹp bản nhỏ 7 lỗ dùng vít 3.5mm	Thân có 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 12/ 13/ 14 lỗ, dài 25/ 37/ 49/ 61/ 73/ 85/ 97/ 109/ 121/ 145/ 157/ 169mm			Cái	Cái	20		
17	Nẹp căng chân các lỗ	Thân có 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 13/ 14/ 15/ 16/ 18 lỗ, dài 71/ 87/ 103/ 119/ 135/ 151/ 167/ 183/ 199/ 215/ 231/ 247/ 263/ 295mm			Cái	Cái	10		
18	Nẹp chữ S xương đòn, trái-phải dùng vít 3.5mm	Thân có 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ			Cái	Cái	10		
19	Nẹp chữ T đầu dưới xương quay 4 lỗ	Thân có 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8 lỗ, dài 39/ 56/ 67/ 78/ 89/ 100mm			Cái	Cái	10		
20	Vít cứng đường kính 3.5 các cỡ	Vít vỏ (xương cứng) tự ta ro 3.5 mm: - Đường kính vít (đường kính ren) 3.5 mm ±			Cái	Cái	50		

		0.05 mm - Đường kính lõi vít 2.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít 5.9 mm $\pm$ 0.05 mm , lỗ hình sao 3.35 $\pm$ 0.05 mm - Bước ren vít 1.25 mm $\pm$ 0.05 mm - Chiều dài từ 12-50 mm bước tăng 2 mm - Vật liệu Hợp kim Titanium 6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.							
21	Nẹp Xương cùng đòn 3,5 các cỡ	Nẹp MC-DCP bản nhỏ 8 lỗ cho vít 3.5			Cái	Cái	10		
22	Vít cứng đường kính 4.5 các cỡ	Vít vỏ (xương cứng) tự ta ro 4.5 mm: - Đường kính vít (đường kính ren) 4.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 3.2 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) $\varnothing$ 7.95 $\pm$ 0.05 mm , lỗ hình sao 4.5 $\pm$ 0.05 mm - Bước ren vít 1.75mm $\pm$ 0.05 mm Chiều dài từ 12-80mm bước tăng 2 mm - Vật liệu Hợp kim Titanium 6AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.			Cái	Cái	20		

Phần III. Bơm kim tiêm, kim lườn, ống hút, dây nối, Mask thở, Catheter									
1	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml	Dung tích 1ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiệt trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485			Cái	Hộp 100	500		
2	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml	Dung tích 3ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiệt trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485			Cái	hộp 100	50.000		
3	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml	Dung tích 5ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiệt trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485			Cái	hộp 100	40.500		
4	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml	Dung tích 10ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiệt trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485			Cái	Hộp 50; hộp 100	6.000		
5	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml	Dung tích 20ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng			Cái	hộp 50 cái	7.000		

		khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiệt trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485							
6	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml đầu to	Dung tích 50ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiệt trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Đầu to dùng trong cho ăn			Cái	Hộp 25 cái, hoặc gói 1 cái	200		
7	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Là một ống dài hình trụ, có vạch chia, thể tích 1 ml. Với bơm tiêm 40 IU/ml thì có 40 vạch chia 0 đến 40 IU, khoảng cách giữa 2 vạch là 1 IU			Cái	Hộp 100 cái	500		
8	Kim tiêm dùng 1 lần	dùng pha thuốc, lấy thuốc, Kim tiêm dùng 1 lần; các số. Kim các số.			Cái	Hộp 100 cái	7.000		
9	Kim châm cứu các cỡ	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn. Đường kính kim: 0.14mm, 0.16mm, 0.18mm, 0.20mm, 0.22mm, 0.25mm, 0.26mm, 0.28mm, 0.30mm, 0.32mm, 0.35mm, 0.38mm, 0.45mm, 0.70mm. Chiều dài kim: 13mm (số 1), 25mm (số 2), 30mm (số 3), 40mm (số 4), 50mm (số 5), 60mm (số 6), 70mm - 75mm (số 7). Được đóng vỉ riêng biệt, tiệt trùng bằng ETO.			Cái	Hộp 100 cái	200.000		
10	Kim châm cứu các cỡ	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn.			Cái	Hộp 100 cái	10.000		

		Đường kính kim: chắc chắn. Đường kính kim: 0.18mm, 0.20mm, 0.22mm, 0.25mm, 0.26mm, 0.28mm, 0.30mm, 0.32mm, 0.35mm, 0.38mm, 0.45mm, 0.70mm. Chiều dài kim: (Số 8 đến số 15) 75mm - 250mm. Được đóng vỉ riêng biệt, tiệt trùng bằng ETO.							
11	Kim cấy chỉ số 7, 8	Dùng trong thủ thuật cấy chỉ, (kim số 7) đường kính 0.7; độ dài kim 65 mm, kim số 8 (đường kính 0.8; độ dài kim 65 mm). Đảm bảo độ sắc bén, vô khuẩn.			Cái	Cái	100		
12	Kim chích máu ngón tay	Kim kích cỡ 18G, 20G, 20G, 21G, 23G, 25G,...28G Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác. Tiện dụng, đơn giản, dễ sử dụng và không gây đau, Bằng thép không gỉ và tiệt trùng từng cây bằng E.O. Không độc hại, không có chất gây sốt. Quy cách: 100 cây/hộp. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016			Cái	Cái	8.500		
13	Kim gây tê tùy sống các số	• Kim chọc dò tùy sống, thích hợp cho gây tê tùy sống • Dễ chọc với đầu kim vát kim cương Quincke point. • Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn			Cái	Hộp 20 cái; hộp 25 cái	500		

		• Tốc độ dòng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra. • Đốc kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO • Thông số kỹ thuật: 20921: 18Gx3.50IN - Ø1.2x90± 0.1mm 20923: 20Gx3.50IN - Ø0.9x90± 0.1mm 20925: 22Gx3.50IN - Ø0.7x90± 0.1mm 20926: 23GX3.50IN - Ø0.6X90± 0.1mm 20928: 25Gx3.50IN - Ø0.5x90± 0.1mm 20930: 27Gx3.50IN - Ø0.4x90± 0.1mm							
14	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	• Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cản quang (18 G, 20G, 22G, 24 G, 26G) • Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim bén với ba mặt vát giúp chích nhẹ không đau • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, đến 72h • Catheter ôm sát thân kim tránh tè và đùn khi			Cái	Hộp 50; hộp 100	6.000		

		đi xuyên qua da • Cửa chích thuốc nằm trung tâm kim giúp kim không bị dịch chuyển khi bơm thuốc, có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch,máu.. • Dễ sử dụng. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE • Thông số kĩ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10001- 14G: 2.0x45mm - 305ml/min 10002- 16G: 1.7x45mm - 200ml/min 10004: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min 10006: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min 10007: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min 10008: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min 10009: 26G: 0.6X19mm-17ml/min							
15	Sonde dạ dày các số	Ống mở thông dạ dày bao gồm ống thoát khí, bóng, vòng giữ, khớp nối cho ăn và thanh hướng dẫn. Các phụ kiện tùy chọn là khay nạp, ống tiêm và khối gạc, các số 12F, 14F, 16F, 18 F, 20 F, 22 F, 24 F. Dây có chiều dài 120cm, có cảm quang suốt chiều dài ống. Đảm bảo vô khuẩn. Đoạn cuối được thông mở và có dạng tròn với 4 lỗ hai bên. Không quá cứng hoặc quá			Cái	Cái	60		

		mềm, có chia vạch các điểm đánh dấu ở 45cm, 55cm, 65cm và 75cm từ đầu dây đưa vào một cách chính xác. Ống trơn láng, không sần sùi hay dập nứt.							
16	Ống hút đàm	Các số 5, 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			Cái	Cái	200		
17	Ống hút điều kinh	- Sản xuất bằng nhựa PVC dài 22cm, đường kính vòng ngoài của ống 4mm. - Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia. - Các số: 4, 5, 6mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)			Cái	Cái	100		
18	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector.Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. Thể tích môi dịch: 2.1ml. Đường kính trong: 1mm, đường kính ngoài: 2.8mm, không có chất DEHP. Sản phẩm tiệt trùng 100% Tiêu chuẩn ISO; EC. Thời hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC			Cái	Cái	2.000		
19	Mask thở oxy có túi dự trữ khí	Chất liệu nhựa y tế, không gây kích ứng. Mặt nạ thở oxy có dây đeo, dây có chiều dài 2 mét, có túi chứa khí oxy. Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị			Bộ	Túi 1 bộ, túi 10 bộ	6		

		của các bệnh viện. Tiệt trùng, đóng gói riêng đến từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016							
20	Ống hút dịch phẫu thuật	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo			Cái	Cái	500		
21	Ống nội khí quản không bóng	• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. • Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. • Đóng gói riêng lẻ từng túi Size:2,2.5,3,3.5,4,4.5,5,5.5,6,6.5,7,7.5,8			Cái	Cái	70		
22	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng , không dễ gãy vỡ, không kích ứng da.Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm . Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016			Cái	Cái	200		
23	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ	Sản phẩm được làm bằng nhựa PVC y tế, chiều dài 2.m, đường kính ống 5mm, có 2 nhánh để cung cấp oxy. Trong thành ống thiết kế những đường khe để giảm thiểu nguy cơ đường khí bị cản trở khi dây bị gập do ngoại lực tác động, 2			Cái	Túi 1 Cái	500		

		đầu nối ở 2 đầu dây. Được tiệt trùng và Đóng gói riêng lẻ từng cái. Size XS, S, M, L							
24	Dây nối oxy	Các cỡ XS, S, M, L. Dây dẫn chính có chiều dài 2 mét được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. • Công dụng: dùng để nối thêm dây thở oxy • Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi. •			Cái	Túi 1 Cái	50		
25	Ống thông hậu môn	Các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)			Cái	Cái	110		
26	Sonde Foley 2 nhánh các số	2 nhánh. Dây có chiều dài >40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 8Fr, 10Fr, 24Fr, 26Fr; Có bóng 3ml, 3-5ml; Có bóng 30ml. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016			Cái	Cái	500		
27	Sonde nelaton các số	• Ống thông tiểu • Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. • Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương, với hai mắt bên để thoát nước hiệu quả • Đầu kết nối được mã hóa theo màu để dễ dàng			Cái	Cái	400		

		xác định kích thước • Chiều dài: 40cm • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE • Kích thước: 30011: 8FG 30012: 10FG 30013: 12FG 30014: 14FG 30015: 16FG 30016: 18FG 30018: 22FG 30019: 24FG"							
28	Mask khí dung (mask + dây + bầu)	Được làm bằng nhựa PVC, điều chỉnh mũi được, dây đeo đàn hồi, ống nối 2m, là dụng cụ giúp bệnh nhân hấp thụ được lượng lớn dung dịch xông một cách hiệu quả và dễ dàng nhất, có bầu chứa thuốc và mồm chụp thở khí dung, đóng trong gói PE, Size : XS, S, M, L, L+, XL			Cái	Cái	50		
29	Mask bóp bóng thường các loại, các số	Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở, được sử dụng một lần cho mỗi bệnh nhân, được trang bị một van hạn chế áp suất cho sự an toàn của bệnh nhân. Các size Dùng cho trẻ sơ sinh, trẻ			cái	cái	20		

		em, người lớn							
30	Mặt nạ gây mê Mask LiteStar các loại, các cỡ	Được làm từ nhựa y tế không độc hại, đệm hơi mềm mại đàn hồi kín không khí và ít mùi. Mặt nạ được thiết kế đặc biệt, phù hợp với khuôn mặt bệnh nhân tạo cảm giác thoải mái, được sử dụng kết nối với cái thiết bị như máy gây mê, máy thở, máy oxy áp xuất cao, được tiệt trùng, đóng gói riêng lẻ từng cái. Size 1,2,3,4,5.			bộ	1 bộ/ túi	3		
31	Mask thanh quản các số	Mask thanh quản là một phương tiện đảm bảo thông suốt đường thở trên, cấu tạo gồm một ống nòng to và đầu dưới có một bóng chèn hình elíp. Sau khi đặt và bơm hơi, bóng này kín với áp lực thấp quanh lõi vào thanh quản. • Chất liệu: Mask bằng PVC mềm giảm tổn thương và giảm đau họng. • Size có sẵn: Cỡ 2,3,4,5.			Cái	1 Cái/túi	10		
32	Mask bóp bóng (PVP, Silicon)	- Làm từ PVC/ Silicone - 1 bộ Ampu giúp thở gồm: 01 bóng bóp cấp cứu + 01 mặt nạ + 01 túi chứa khí + 01 bộ dây nối oxy+ 01 bộ đường thông khí. - Kích cỡ: Người lớn, trẻ em, sơ sinh - Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở			cái	cái	20		
Phần IV. Chỉ phẫu thuật các loại, các cỡ									
1	Chỉ Nylon số 2/0	Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn			Sợi	Hộp 12 sợi,	360		

		sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.				hộp 24 sợi, hộp 36 sợi			
2	Chỉ Nylon số 3/0	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	1.500		
3	Chỉ Nylon số 4/0	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	120		
4	Chỉ Nylon số 5/0	Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	168		
5	Chỉ Silk số 2/0, kim các loại	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24	120		

		xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.				sợi, hộp 36 sợi			
6	Chỉ Silk số 3/0, kim các loại	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	24		
7	Chỉ tiêu catgut 2/0 kim các loại	Số 2/0 kim tam giác 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	1.000		
8	Chỉ tiêu catgut 2/0 kim các loại	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	1.000		
9	Chỉ tiêu catgut 3/0 kim các loại	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm hoặc tương đương. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi,	300		

		mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày				hộp 36 sợi			
10	Chỉ tiêu catgut 4/0 kim các loại	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 4/0, chỉ dài 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 26 mm. Là chỉ tự tiêu Chromic Catgut đa sợi, bên xoắn có vẻ bề ngoài giống như chỉ đơn sợi. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen có nguồn gốc từ bò hoặc ruột cừu. Chỉ vẫn còn sức căng sau 21 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô đã bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (như dạ dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ sẽ tự tiêu nhanh hơn. Khả năng gây dị ứng trung bình.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	300		
11	Chỉ polypropylen số 2/0, kim các loại	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	24		
12	Chỉ polypropylen số 3/0, kim các loại	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36	24		

						sợi			
13	Chỉ polypropylen số 4/0, kim các loại	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	48		
14	Chỉ polypropylen số 5/0, kim các loại	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	12		
15	Chỉ Vicryl số 1/0 kim tròn, kim dài 40mm hoặc tương đương; kim tròn, kim dài 40mm	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	384		
16	Chỉ Vicryl số 2/0 kim tròn, kim dài 28mm	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24	36		

	hoặc tương đương;kim tròn, kim dài 28mm	Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày.				sợi, hộp 36 sợi			
17	Chỉ silk 4/0 kim tròn, tam giác, kim dài 22mm hoặc tương đương;kim tròn, tam giác, kim dài 22mm hoặc tương đương	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22, 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	24		
18	Chỉ thép cuộn các cỡ	Dùng trong mổ kết hợp xương, chất liệu thép không rỉ, chỉ 0.2/0.3/0.4/0.5/0.6/0.7/0.8/0.9/1.0/1.2/1.5mm, dài 5m, mềm			cuộn	Cuộn 5m	2		
19	Chỉ Silk 5/0; Chỉ không tiêu số 5/0 sợi dài 75cm, kim tam giác 16mm, độ cong 3/8	Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.			Sợi	Hộp 12 sợi, hộp 24 sợi, hộp 36 sợi	24		

Phần V: Test sinh phẩm các loại

1	Bộ test sử dụng cho máy phân tích HbA1c	Để xác định định lượng in vitro của hemoglobin glycated (HbA1c) trong máu toàn phần thu được từ chích ngón tay hoặc từ các mẫu máu tĩnh mạch được thu thập vào ống EDTA			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	800		
2	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV;	Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh,Huyết tương,Máu toàn phần			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	1.200		
3	Test nhanh phát hiện đồng thời kháng nguyên NS1 và kháng thể IgG, IgM kháng virus sốt xuất huyết	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh,Huyết tương,Máu toàn phần			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	3.000		
4	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng nguyên HBsAg	Xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh,Huyết tương			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	1.000		
5	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu kháng HCV, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh,Huyết tương,Máu toàn phần			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	200		
6	Que thử/Khay	Xét nghiệm định tính kháng nguyên Rotavirus.			Test	Hộp	50		

	thử xét nghiệm kháng nguyên Rotavirus nhóm A	Loại mẫu sử dụng: Phân				20test; hộp 25 test			
7	Test nhanh phát hiện H.Pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	1.500		
8	Test thử định tính phát hiện hợp chất Heroin – Morphine - Opiates (Ma túy) trong nước tiểu	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	2.000		
9	Test thử đường huyết	Dùng cho máy ONETOUCH dùng để đo chỉ số đường huyết cho người bệnh tiểu đường, đảm bảo độ chính xác cao và cho kết quả nhanh chóng			Test	Hộp 25 test	2.000		
10	Test thử đường huyết	Công nghệ cảm biến sinh học, Que test 8 điện cực bằng bạc, Công nghệ " No coding", Mỗi que thử chứa các hóa chất phản ứng: glucose			Test	Hộp 20test; hộp 25	6.500		

		oxidase <25 IU, mediator <300 µg.				test			
11	Test thử giang mai	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG, IgM, IgA kháng Treponema pallidum, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần			Test	Hộp 20test; hộp 25 test	200		
12	Test thử thai	Gồm: Test thử : Kháng thể đơn dòng kháng hCG-α, Kháng thể đơn dòng kháng hCG-β, Kháng thể đề kháng IgG chuột, HAuCl ₄ , Na ₂ HPO ₄ , NaH ₂ PO ₄ , Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, Na ₂ CO ₃ và Cốc làm từ nhựa nguyên sinh.			Test	Túi/hộp 1 test	1.300		
13	Test thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Test thử nước tiểu Strip-10 (URS-10) Bạch cầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose			Test	Hộp 100 Test	6.000		

Phần VI: Phim X- Quang

1	Phim X-Quang in Laser (KT : 20 x 25 cm) 8x 10IN	Phim in công nghệ khô Laser, kích thước 20 x 25 cm (8x10 inch), có thể nạp phim vào khay dưới ánh sáng thường, có thể lưu trữ phim in lâu dài trên 100 năm. Phim được phủ nền polyester 7-mil, phim có thể in ra được độ phân giải tới 650ppi. Tương thích với máy in Trimax			Tấm	Hộp 125 tấm	20.000		
2	Phim X-Quang khô Laser (KT : 20 x 25	"Phim KTS Konica. Kích thước phim 8x10inch, 20x25cm Sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp ,Được dùng cho máy in kỹ thuật số			Tờ	Hộp 125 tờ	6.000		

	cm)	Konica Drypro Sigma / Drypro Sigma2 ,tương thích máy in Konika. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 butanoate < 5%., EC. - Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate - Bao gói: Màng nhôm"							
3	Phim dùng cho chụp X-Quang laser y tế 20x25cm	kích cỡ: 20*25 cm. Phim dùng cho chụp X-quang y tế, tương thích với máy in phim khô laser Drypix series: Drypix plus(4000) Drypix Smart (6000) Drypix 7000, Drypix Edge (8000)			Tờ	Hộp 150 tờ	20.000		
Phần VII: Vật tư xét nghiệm các loại									
1	Ống nghiệm trắng có nắp (lấy nước tiểu)	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.			cái	Cái	6.000		
2	Ống nghiệm Chemigly	Ống nghiệm nhựa kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xám. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride Quy cách.Đạt tiêu chuẩn ISO			Ống	Ống	2.000		

3	Ống nghiệm EDTA K2 - 2ml nắp xanh dương , mous thấp	- Ống nghiệm EDTA K2 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.			Ống	Ống	10.000		
4	Ống nghiệm chân không EDTA K3 2ml	- Ống nghiệm chân không EDTA K3 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không			Ống	Ống	30.000		
5	Ống nghiệm chứa chất kháng đông Heparin lithium, 2ml (nắp đen, nắp trắng)	- Ống nghiệm Heparin kích thước 13x75mm; sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.			Ống	Ống	10.000		
6	Ống nghiệm Citrate 3,8% HTM 2ml nắp cao su xanh lá, mous thấp	- Ống nghiệm chân không Sodium Citrate 3,8% được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không			Ống	Ống	2.000		
7	Ống nghiệm Serum hạt to, nhỏ , nắp đỏ.	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu đỏ.Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene			Ống	Ống	1.000		
8	Đầu col xanh (200µl-1000µl)	Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng			Cái	Cái	3.000		

		thi nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. • Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-1000ul							
9	Đầu col vàng có khía/không khía	Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng thi nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. • Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-200ul			Cái	Cái	3.000		
10	Lamen	Tất cả các lammen được làm bằng chất liệu đặc biệt của Hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót, mặt cắt chính xác. Kích thước: 22mm x 22mm			Cái	Hộp $\geq$ 50 cái	2.000		
11	Lam kính tròn	Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính. Loại tròn.			Cái	Hộp $\geq$ 50 cái	1.000		
12	Lọ đựng phân có muống	nhựa y tế (nhựa nguyên sinh)Lưu mẫu, vận chuyển mẫu, chứa mẫu,... để làm xét nghiệm			lọ	Túi 100 lọ	400		
13	Dung dịch nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa, 500ml			Chai	chai 500ml	1		
14	Bộ thuốc nhuộm	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm			Bộ	Bộ	5		

	gram	nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 100ml có vòi bơm tiện dụng							
15	Bóng đèn Halogen (DÙNG CHO MÁY SINH HÓA)	Công suất 6V-20W			Bóng	Bóng	15		
16	Micropipet	• Pipette dùng cho các kỹ thuật viên xét nghiệm, các phòng lab, bệnh viện... • Thiết kế đơn giản và mạnh mẽ. • Độ chính xác theo DIN EN ISO 8655. • Bộ dung lượng hầu như không thay đổi trong suốt quá trình sử dụng Pipet. Thích hợp cho hầu hết các nhãn hiệu đầu col Pipette Tips. Dễ dàng làm sạch, dễ bảo trì, có thể hấp được ở nhiệt độ 121°C. Kích thước: 100-1000ul			Cái	Cái	6		
Phần VIII: Vật tư thông thường khác									
1	Airway các cỡ	Chất liệu nhựa y tế tốt dẻo, độ cong thích hợp. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Kích cỡ: số 0: 60mm; số 1: 70mm; số 2: 80mm; số 3: 90mm;			Cái	Cái	20		

		số 4: 100mm. Thời hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016							
2	Lưỡi dao mổ bầu	"Chất liệu được làm từ thép carbon với công nghệ sản xuất hiện đại của Đức. • Lưỡi dao cực kỳ sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. • Lưỡi dao đã được tiệt trùng. • Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23."			Cái	Túi 1 cái; Hộp 100 cái	300		
3	Lưỡi dao mổ nhọn	Chất liệu được làm từ thép carbon với công nghệ sản xuất hiện đại của Đức. • Lưỡi dao cực kỳ sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. • Lưỡi dao đã được tiệt trùng. • Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23.			Cái	Túi 1 cái; Hộp 100 cái	500		
4	Dây garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:2			Cái	Cái	100		
5	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao.			Cái	Cái	1.500		
6	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Sản phẩm dùng để khám miệng, lưỡi, họng, đã tiệt trùng và chỉ dùng một lần, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân trước sự lây nhiễm của các bệnh nguy hiểm qua đường miệng. Kích thước: 150 x 20 x 2mm.			Cái	Cái	45.000		

7	Que gòn tiết trùng từng cái	Thân que bằng nhựa, 1 đầu gòn, tiết trùng từng cây, dài 16cm, trong vĩ giấy.			Cái	Cái	2.000		
8	Túi đựng máu đơn 250ml	"Túi máu dùng để thu thập, lưu trữ, truyền và vận chuyển máu. • Kết cấu của túi mềm mại, ống chống xoắn linh hoạt được đóng gói riêng biệt. • Kích cỡ: 250ml; Chủng loại bao gồm: túi đơn thích hợp cho việc lấy máu toàn phần cũng như sản xuất chế phẩm máu. • Vật liệu dùng để sản xuất túi máu, dây truyền sản xuất đều được kiểm tra và thực hiện tự động để đảm bảo sản phẩm cuối cùng đạt chất lượng và vệ sinh y tế tiêu chuẩn quốc tế. • Các thông số về an toàn và hạn sử dụng được ghi trên nhãn của từng túi và hộp nhỏ để tiện theo dõi khi sử dụng"			Cái	Túi 1 cái, túi 10 cái	100		
9	Túi nước tiểu.	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T có quai treo; Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)			Cái	Cái	500		
10	Túi chứa oxy bóp bóng	Thể tích: 3/30/42/50 L Được làm bằng nylon không chứa chất độc phủ cao su một mặt, không có tác động hóa học bất lợi. Được sử dụng chủ yếu trong các trường hợp cấp cứu tại			cái	cái	10		

		bệnh viện hoặc chăm sóc sức khỏe tại nhà. Dễ làm sạch, an toàn, độ bền cao và dễ mang theo.							
11	Tăm bông lấy dịch phụ khoa	Que tăm bông để phết lấy mẫu dịch lỏng bên trong âm đạo. Để kết quả xét nghiệm thu được chính xác. Mỗi tăm bông được chứa trong 1 ống bảo quản			Cái	Ống/ 1 cái	1.000		
12	Tạp dề y tế	Tạp dề nylon Nguyên liệu: màng nhựa PE Chống thấm nước tuyệt đối. Màu: xanh blue, trắng, Đóng gói: 20 cái/ bao - loại tiệt trùng: 1 cái/ bao.			Cái	Túi/ 20 Cái	500		
13	Nón phẫu thuật dạng xếp	Nón dạng xếp. Vải không dệt PP spunbond SS. Size L. Tiệt trùng.			Cái	Cái	3.500		
14	Tấm lót nylon kích thước 40*60 có giấy hút ẩm bên trong	Kích thước: 40cm x 60cm. Gồm: - Lớp trên là vùng thấm 1 chiều với chất liệu vải không dệt, có khả năng thấm hút tốt và ngăn không cho dịch thấm ngược ra ngoài.- Lớp giữa là hỗn hợp bông, bột giấy, bột thấm, ép với nhau tạo hình cago kích thước 15mm, êm dịu, thông thoáng.- Lớp dưới cùng là màng PE xanh nguyên chất không thấm nước.- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016			Cái	Cái	600		
15	Điện cực dán dùng trong điện tim	Bề mặt kết dính rất chặt chẽ, độ bám dính thích hợp cho da, ngay cả khi da dính tạp chất.			Cái	Túi 1 cái	2.500		
16	Giấy in siêu âm	Tương thích với nhiều loại máy siêu âm. Chủng			Cuộn	Cuộn	30		

	đen trắng	loại UPP 110S, kích thước giấy 110mmx20m. Giấy chất liệu tốt, in kết quả rõ đẹp. Tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, KS Q ISO 9001:2015							
17	Giấy in nhiệt 57mm	Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học			Cuộn	Cuộn	20		
18	Giấy in nhiệt 50 mm	Giấy in cho máy monitor, sinh hóa, huyết học			Cuộn	Cuộn	30		
19	Giấy in điện tim 3 cần	Dùng cho máy điện tim 3 cần, kích thước giấy 63 x30 mm			Cuộn	Hộp 10 cuộn	80		
20	Giấy điện tim 6 cần	Fukuda Denshi FX-7202, Edan SE-601			Tập	Tập 200 tờ	110		
21	Gel siêu âm	Dạng gel bôi ngoài da, dùng hỗ trợ trong quá trình siêu âm			Can	can ≥ 5 lít	60		
22	Bộ Huyết áp kế + tai nghe có kiểm định	Dùng để đo huyết áp của con người, các bộ phận chính bao gồm: Tai nghe (ống nghe) mạch đập dùng để khuếch đại âm thanh mạch đập, mặt đồng hồ báo số đo huyết áp, vòng bao tay và quả bóp bóng bơm/xả hơi vào vòng bít thông qua hệ thống ống dẫn cao su.			Bộ	Bộ	30		
23	Nhiệt kế thủy ngân	Dùng đo nhiệt độ cơ thể ở miệng, nách, hậu môn, Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát. Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C. Có hộp nhựa để bảo quản			Cái	Cái	200		

24	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất 220V/50HZ- 250W			Bóng	Bóng	10		
25	Săng giấy	Nguyên liệu: vải không dệt Olefin hoặc Polypropylene, không thấm nước, độ dày của vải: 40gram/m2, Quy cách: 40cm x 70cm; Loại: Tiệt trùng (khí EO), đóng gói: 1 tấm/gói			Cái	gói 5 cái; gói 10 cái; gói 20 cái	1.300		
26	Bao cao su	sử dụng chất liệu mủ cao su tự nhiên, chất lượng cao, không màu, không mùi. Sử dụng trong kế hoạch hóa gia đình			Cái	Cái	30.000		
27	Bao camera nội soi 150 mm dài 2,5m	Chất liệu: Mànng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm.- Kích thước: 150 mm x 235cm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng.- Tiệt trùng bằng khí EO.			Cái	Cái	100		
28	Bao dây đốt dùng trong mổ nội soi 9cm dài 220 cm	Chất liệu: Mànng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm.- Kích thước: 7.5cm x 235cm- Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO.- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016			Cái	Cái	300		
29	Túi đựng bệnh phẩm ruột thừa	Kích thước: 7cm x 14cm; 9cm x 17cm; 12cm x 17cm. Sản phẩm được làm bằng chất liệu màng nhựa PE màu trắng nguyên chất. Tiệt trùng hoặc không tiệt trùng.			Cái	Cái	100		

30	Túi chườm lạnh	Túi chườm lạnh có tính năng đa dạng. Chườm lạnh thường áp dụng cho các trường hợp như đau dạ dày hoặc đau khớp xương, đau sau sinh ... tùy vào nhu cầu bệnh cần dùng			cái	cái	5		
31	Túi chườm nóng	Túi chườm nóng có tính năng đa dạng. Chườm nóng bằng túi sưởi thường áp dụng cho các trường hợp như đau dạ dày hoặc đau khớp xương, đau sau sinh ...			cái	cái	5		
32	Van Benveniste	Van Benveniste dùng trong máy NCPAP dùng van Benveniste			cái	cái	2		
33	Van Benveniste cải tiến	Van Benveniste cải tiến dùng trong máy NCPAP dùng van Benveniste			cái	cái	2		
34	Cannula mũi Argyle	các size S,M,L dùng để nối với van Benveniste, Argyle Cpap Nasal Cannula Kit			cái	cái	10		
35	Bộ dây thở Silicone	Bộ dây thở Silicone dùng nhiều lần có thể được khử trùng bằng nồi hấp nhiệt độ cao, tiệt trùng bằng hóa chất cho các thiết bị y tế hoặc Eto. Ống có mặt trong thành ống trơn bằng silicon cung cấp ít tích tụ nước hơn, độ giãn nở compliance thấp, trở kháng resistance đường khí thấp, khoảng chết thấp hơn, chống gấp khúc và dễ làm sạch. có nối chữ y với cổng hút và nắp.			Bộ	Bộ	5		
36	Bình làm ấm ẩm	Bình làm ấm ẩm loại dùng cho trẻ em, chất liệu			Bình	Bình	3		

		nhựa, sử dụng nhiều lần, co nối 22M-15F, dung tích tối đa 360ml, thể tích nén khi không có nước là 145ml							
37	Parafin	Paraffin được chỉ định điều trị cho bệnh nhân khi cần giảm đau, giảm co thắt cơ trong các chứng đau mạn tính, dùng trong Y học cổ truyền			Kg	Kg	50		
Phần IX: Hóa chất dùng trong sản khoa, hóa chất chất tẩy, rửa, khử khuẩn các loại									
1	Dung dịch lugol 3%	dùng trong nhuộm Gram			Chai	Chai 500ml	3		
2	Dung dịch Acid acetic 3%	Quan sát cổ tử cung bằng mắt thường với dung dịch axit acetic 3%			Chai	Chai 500ml	3		
3	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHOPHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Tric khuẩn lao (Mycobacterium bovis). - Môi trường sử dụng			Can	can	30		

		không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi							
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính Enzyme	Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu...			Chai	cái	30		
5	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại			chai	chai /500ml	30		
6	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dùng để sát khuẩn tay nhanh mà không cần rửa lại với nước, giúp phòng ngừa một số bệnh lây nhiễm			chai	chai /500ml	600		
7	Hóa chất khử nhiễm	tương đương với Pressepest 2,5g			Viên	Hộp 100 viên	600		
8	Nước Javen	Javen 5% dạng lỏng			lít	Can/30 lít	90		

9	Nước Javen	Javen 12% dạng lỏng			lít	Can/30 lít	90		
10	Cloramin B	Hàm lượng Clo hoạt tính : 25-27%, Hàm lượng NaOH dư tối đa: 0.8%, Hàm lượng Pb tối đa 0.02%, Hàm lượng As tối đa 0.001 mg/l,			Kg	Kg	45		
11	Dung dịch diệt khuẩn ASFA plus	là dung dịch sát khuẩn được sử dụng để khử trùng; khử mùi trong nhiều lĩnh vực khác nhau, Không chứa cồn do đó có thể phun vào không khí, không cháy nổ, không gây hại mắt, miệng hay uống nhầm, không phát sinh ra clor ra môi trường; không làm tồn dư hóa chất sau khi sử dụng; không gây hại cho môi trường. Sát khuẩn ASFA có thể tiêu diệt 99,99% các loại vi rút, vi khuẩn			Can	Can/20 lít	1		
12	Tinh dầu xả	diệt khuẩn bề mặt			Lít	Lít	60		
Phần X: Vật tư nha khoa									
1	Chỉ co nướu Gingi pak 2.0 hoặc tương đương	Chỉ co nướu nha khoa thường dùng để tách nướu giúp Kiểm soát mô mềm, kiểm soát chảy máu và bộc lộ đường, được làm từ 100% cotton, được tẩm qua epinephrine HCl hoặc aluminum sulfate để cầm máu. Có cấu trúc sợi xoắn, được đan dệt chắc chắn, ổn định.			Lọ	Lọ 2.44m	2		
2	Etching prime-dent (acid)	Axit Etching Gel Prime Dent có khả năng ets mạnh mẽ, tạo ra các vết nứt siêu nhỏ trên bề			Tuýp	Tuýp 5ml	5		

		mặt răng. Cải Thiện Quá Trình Nha Khoa: cải thiện quá trình trám răng hoặc gắn mắc cầu bằng cách chuẩn bị bề mặt răng một cách tối ưu							
3	Keo Bonding resin trám răng	Keo bonding nha khoa (keo dán) là hợp chất chứa monomer ưa nước dùng để liên kết với cấu trúc răng và cả những monomer kỵ nước tạo ra liên kết với vật liệu phục hồi, thường dùng trên men và ngà răng, áp dụng trong quy trình trám răng, đính hạt...			Lọ	Lọ 5g	3		
4	Chổi quét keo bonding	Đánh bóngạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác."			Hộp	Hộp 100 cây	3		
5	Thuốc trám răng Composite 3M espe A2 lỏng	được dùng trám thẩm mỹ, trám bít hố rãnh, cải thiện các khuyết điểm trên men răng hoặc trám lót			Tuýp	Tuýp 2g	5		
6	Thuốc trám răng Composite 3M espe A2 đặc	Vật liệu trám răng Composite.Dùng để trám trực tiếp, trám mặt ngoài và nhai. Hỗ trợ tạo cùi và đắp lớp cho răng			Tuýp	Tuýp	5		
7	Fuji 9- Thuốc trám răng Glass ionomer cement 9 extra	A3.A3,5. Để ngăn ngừa sâu răng thông qua khả năng phóng thích fluoride. Sản phẩm này có độ giãn nở và độ bền nén tương tự như mô răng thật, đảm bảo độ ổn định và khít sát cho miếng trám, đồng thời chịu độ ẩm tốt.			Hộp	Hộp	2		
8	Vaseline cách ly	Vaseline được sử dụng như chất cách ly trong			Lọ	Lọ 20g	3		

		nha khoa bôi bảo vệ môi trong quá trình chiếu đèn tẩy trắng...							
9	Thuốc diệt tủy Arsenic Blue	Thuốc diệt tủy răng. Thuốc này giúp làm chết tủy răng hoàn toàn			Hộp	Hộp 5g	3		
10	Mũi Gutta 1,2,3 vạch	dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha			Hộp	Hộp 120 cái	6		
11	Mũi lentulo nội nha đủ số 25- 40 Dài 21mm	Dụng cụ nội nha bằng thép không gỉ ,được sử dụng để cung cấp chất bít kín ống gốc hoặc xi măng trong điều trị ống tủy.			Vỉ	Vỉ 4 cây	3		
12	Mũi lentulo nội nha đủ số 25- 40 Dài 25mm	Dụng cụ nội nha bằng thép không gỉ ,được sử dụng để cung cấp chất bít kín ống gốc hoặc xi măng trong điều trị ống tủy.			Vỉ	Vỉ 4 cây	3		
13	Canxi hidroxid dạng bột	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ/10g			Hộp	Hộp/ lọ 10g	2		
14	Trâm tay nội nha H file số 8,10,15,20,25,30 chiều dài 21mm	Được làm bằng thép không gỉ. Dùng chuyên dụng trong nha khoa, được sử dụng để giúp tạo hình, vệ sinh ống tủy, loại bỏ lớp mùn ngà			Hộp	Hộp 6 cái	5		
15	Trâm tay nội nha H file số 8,10,15,20,25,30 chiều dài 25mm	Được làm bằng thép không gỉ. Dùng chuyên dụng trong nha khoa, được sử dụng để giúp tạo hình, vệ sinh ống tủy, loại bỏ lớp mùn ngà			Hộp	Hộp 6 cái	5		

16	Kim tiêm thuốc tê nhỏ răng 2 đầu	Kim sắc bén dùng để tiêm thuốc tê			hộp	Hộp 100 kim	6		
17	Ống hút nước bọt	chất liệu nhựa dùng để loại bỏ nước bọt trong tình huống như nhổ răng, phẫu thuật, cấy ghép răng...			Gói	Gói 100 ống	5		
18	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani BR-S45	giúp làm bong các cặn bẩn bám trên mũi khoan.thực hiện các thủ tục khoan và chuẩn bị bề mặt răng một cách hiệu quả			Vỉ	Vỉ 5 mũi	4		
19	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani BR-S42	giúp làm bong các cặn bẩn bám trên mũi khoan.thực hiện các thủ tục khoan và chuẩn bị bề mặt răng một cách hiệu quả			Vỉ	Vỉ 5 mũi	4		
20	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani TC- 21F	giúp làm bong các cặn bẩn bám trên mũi khoan.thực hiện các thủ tục khoan và chuẩn bị bề mặt răng một cách hiệu quả			Vỉ	Vỉ 5 mũi	4		
21	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani TC-11F	giúp làm bong các cặn bẩn bám trên mũi khoan.thực hiện các thủ tục khoan và chuẩn bị bề mặt răng một cách hiệu quả			Vỉ	Vỉ 5 mũi	4		
22	Bóng đèn chiếu tia cực tím tử	Bóng đèn tử tia cực tím phát ra một cách hiệu quả một lượng lớn tia cực tím có tác dụng diệt			Cái	Cái	2		

	cực tím hấp dụng cụ	khuẩn							
23	Đai trám răng	Dài 40 mm. Dùng để khắc phục hậu quả và điều trị sâu răng. Phục hồi hình dạng, chức năng của răng bị nứt vỡ, sút mẻ. Ngăn chặn tình trạng mòn cổ răng, mất men răng do tụt nướu			Hộp	Hộp	5		
24	Gương nha khoa	Được làm từ chất liệu không gỉ. Mặt gương dùng trong nha khoa 22 mm			Hộp	Hộp 120 cái	5		
25	Thăm trám 2 đầu	Dùng để phát hiện sâu răng, cao răng.			Cái	Cái	10		
26	Kẹp gấp	Dùng để gấp bông gạc, lau khô khoang miệng trước khi thực hiện giải phẫu răng miệng.			Cái	Cái	5		
27	Mũi khoan kim cương đầu tròn br 31,br32	giúp làm bong các cặn bẩn bám trên mũi khoan.thực hiện các thủ tục khoan và chuẩn bị bề mặt răng một cách hiệu quả			mũi	mũi	10		
28	Dầu tra tay khoan	tác dụng làm sạch nhanh, hiệu quả và bôi trơn tất cả các loại tay khoan nhanh, tay khoan chậm, motor hơi.			chai	chai 500ml	2		
29	Cán gương khám răng	dụng cụ trong suốt quá trình thăm khám và điều trị của nha sĩ.			cái	cái	20		
30	Cây đo túi nướu prime	Được sử dụng để đo chiều sâu túi lợi quanh răng nhờ đó kiểm tra vùng quanh răng.			cái	cái	3		
31	Vật liệu trám	vật liệu trám răng tạm thời mềm, dễ xử lý,			hộp	hộp	2		

	tạm chứa thành phần ceivitron	không cần trộn và tự động đông cứng khi trám các lỗ sâu.							
32	máy đo chiều dài ống tủy	giúp đo chính xác chiều dài ống tủy để điều trị nội nha			máy	máy	1		
33	bộ kiểm nhỏ răng trẻ em	chất liệu inox, sử dụng nhỏ răng sữa trẻ em			bộ	bộ	1		
34	bơm tiêm áp lực nha khoa	chất liệu inox, sử dụng gây tê cho quá trình nhỏ răng và điều trị nội nha			cái inox	cái	2		
35	Cây nạo túi nha chu	Dùng để làm sạch vùng giữa nướu và chân răng, răng miệng sẽ được làm sạch khỏi những ổ mủ dẫn tới viêm nhiễm răng miệng.			Cái	Cái	2		
36	Ly nhựa xúc miệng bệnh nhân dùng 1 lần	sử dụng để đựng nước súc miệng trong quá trình điều trị hoặc sau khi làm răng tại nha khoa			Cây/50 cái	Cây/50 cái	20		

Phần XI: Khí Y tế

1	Khí CO2	Dung tích: ≥ 10 lít; khối lượng khí: $\geq 5\text{kg/bình}$; Độ tinh khiết CO2 ; Dung tích: ≥ 25 lít; khối lượng khí: $\geq 50\text{kg/bình}$; Độ tinh khiết CO2			Lít	Lít	3.000		
2	Hơi OXYGENE 6,5m3	dùng hít thở trực tiếp thông qua các loại ống dẫn			Bình 6.5m3	Bình 6.5m3	200		

Phụ lục 2

Thuốc thử, Hóa chất xét nghiệm

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Song)

ĐVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Mã hàng theo Quyết định 5086/QĐ-BYT(nếu có)	Xuất xứ	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phần I: Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa									
1	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	- Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: + Succinate Buffer (pH 4.20) 75 mmol/L + Bromocresol green 0.14 g/L Thể tích: 260mL			Hộp	4x65mL	2		

2	Thuốc thử xét nghiệm Alpha-amylase	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Amylase trong huyết thanh ,huyết tương và nước tiểu Thành phần: + MES Buffer:50 mmol/L + CNPG3: 2.27 mmol/L + Calcium chloride: 60 mmol/L + Sodium chloride:70 mmol/L + Activator:900 mmol/L - Thể tích: 110mL			Hộp	2x55mL	10		
3	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Bilirubin trong huyết thanh ,huyết tương Thành phần: Total Bilirubin Reagent: + Sulfanilic acid 28.9 mmol/L + TAB 9 mmol/L + Preservatives and stabilizers Total Bilirubin Activator - Thể tích: R1: 189mL/R2: 24mL			Hộp	3x63/3x8mL	2		

4	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương - Tuyến tính lên đến 20 mg/dL - Thành phần đáp ứng: R1: Sulfanilic acid 28.9 mmol/L; Hydrochloric acid 165 mmol/L; Preservatives and stabilizers. R2: Direct Bilirubin Activator - Thể tích: R1: 189mL/R2: 24 mL			Hộp	3x63/3x8mL	2		
5	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của calcium trong huyết thanh ,huyết tương và nước tiểu Thành phần: +MES, pH 6.5:1000 mmol/L +Arsenzo III :200 mmol /L Thể tích: 80mL			Hộp	2x40mL	10		
6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Chất hiệu chuẩn cho nhiều loại xét nghiệm thường quy.. Thể tích: 15mL			Lọ	5x3mL	15		
7	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	Chất kiểm kiểm chuẩn mức bình thường. Thể tích: 5mL			Lọ	1x5mL	18		

8	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bất thường	Chất kiểm chuẩn mức cao. Thể tích: 5mL			Lọ	1x5mL	18		
9	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB	-Thuốc thử định lượng CK-MB trong huyết thanh hoặc huyết tương người CK-MB (S.L) R1: Imidazole(pH 6.7) 125 mmol/L D-Glucose - 25 mmol/L N-Acetylcysteine 25mmol/L Magnesium acetate 12.5mmol/L NADP -2.52 mmol/L EDTA - 2.02 mmol/L Hexokinase >6800 U/L Anti human polyclonal CK-M antibody(sheep)sufficient to inhibit up to 2000U/L of CK-MM CK-MB (S.L) R2: Creatine phosphate 250 mmol/L			Hộp	2 x 20 mL	12		

		ADP 15.2 mmol/L AMP 25 mmol/L Diadenosine pentaphosphate 103 mmol/L G-6-PDH > 8800 U/L Thể tích: Hộp 40 ml							
10	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	- Thuốc thử này dùng để định lượng in vitro creatinine trong huyết thanh hoặc nước tiểu Thành phần: + Imidazole (pH 6.7) 125mmol/L + Sodium hydroxide 300 mmol/L + Sodium Phosphate 25 mmol/L + Picric acid 8.73 mmol/L + Surfactant Thể tích: R1: 180 ml/ R2: 54 ml			Hộp	3x60/3x18mL	9		
11	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	"- Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Cholesterol trong huyết thanh ,huyết tương Thành phần:			Hộp	5x65mL	6		

		+Pipes bufer: 50 mmol/L + Phenol: 24 mmol/L + Sodium cholate: 0.5 mmol/L +Cholesterol esterase $\geq$ 180 U/L + Cholesterol oxidase $\geq$ 200 U/L + Peroxidase $\geq$ 1000 U/L +4- aminoantipyrine: 0.5 mmol/L - Thẻ tích: 325mL"							
12	Thuốc thử xét nghiệm GGT	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Gamma GT trong huyết thanh Thành phần: Gamma GT R1: + Tris bufer pH (8.25) :133 mmol/L + Glycylglycine: 138 mmol/L Gamma GT R2: + GLUPA-C :23 mmol/L Thẻ tích: R1: 65mL/ R2: 20mL			Hộp	1x65/1x20mL	9		
13	Thuốc thử xét nghiệm	"Thuốc thử này được dùng để			Hộp	5x65mL	15		

	Glucose	xác định định lượng trong ống nghiệm của glucose trong huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy - Phương pháp GOD-PAP - Tuyến tính lên đến 600 mg/dL - Thành phần: Tris Buffer 92 mmol/L; Phenol 0.3 mmol/L; Glucose Oxidase 15000 U/L; 4-Aminophenazone 2.6 mmol/L - Thể tích: 325mL"							
14	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	"Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của SGOT trong huyết thanh hoặc huyết tương- Phương pháp: IFCC - Tuyến tính lên đến 1000 U/L - Thành phần đáp ứng: R1: Tris Buffer (pH7.8) 88 mmol/L; MDH > 900 U/L; LDH > 1500 U/L. R2: α - ketoglutarate 12 mmol/L; NADH 0.24 mmol/L - Thể tích: R1: 189 mL/R2: 60mL"			Hộp	3x63/3x20mL	10		

15	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	"Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của SGPT trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: SGPT R1 : Tris Buffer (pH 7.5) : 110 mmol/L L-Alanine :600 mmol/L LDH : >1500 U/L SGPT R2: α -ketoglutarate :16 mmol/L NADH: 0.24 mmol/L - Thể tích: R1: 189 mL/R2: 60mL"			Hộp	3x63/3x20mL	10		
16	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	"Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của HDL-Cholesterol trong huyết thanh - Phương pháp: chọn lọc - Tuyến tính lên đến 150 mg/dL - Thành phần đáp ứng: R1: N-Ethyl-N-(3-methylphenyl)-N'succinylethyenediame (EMSE).			Hộp	3x53/3x20mL	12		

		R2: Cholesterol Oxidase; 4-Aminoantipyrin (4-AA) - Thể tích: R1: 159mL/R2: 60mL"							
17	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	"- Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của LDL-Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương Thành phần: LDL-C direct R1: + HSDA :1 mmol/L + Good's buffer: pH 6.3 LDL-C direct R2: + Cholesterol esterase :2.0 U/mL + Cholesterol oxidase:1.0 mmol/L + 4-Aminoantipyrin :2.5 mmol/L + Good's buffer pH 6.3 Thể tích: Hộp 123 ml"			Hộp	3 x 30mL/3 x 11 mL	12		
18	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	"Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương			Hộp	5x65mL	6		

		Thành phần: + Pipes –buffer (pH 7.00):50 mmol/L + TOPS: 5.3 mmol/L + Potassium ferrocynate: 10 mmol/L + Magnesium salt:17 mmol/L + 4-Aminoanyipyrine:0.9 mmol/L + ATP :3.15 mmol/L + Lipoprotein lipase $\geq$1800 U/L + Glycerol Kinase $\geq$ 450 U/L + Glycerol-3-phosphate oxidase $\geq$ 3500 U/L + Peroxidase $\geq$ 450 U/L - Thể tích: 325mL"							
19	Thuốc thử xét nghiệm Ure	"Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Ure trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. - Phương pháp: Urease/GLDH - Tuyến tính lên đến 300 mg/dL			Hộp	3x65/3x20mL	8		

		- Thành phần: R1: Buffer (pH 7.6) 100 mmol/L; ADP 0.7 mmol/L; α-ketoglutarate 9.0 mmol/L. R2: GLDH $\geq$ 1100 U/L; Urease $\geq$ 6500 U/L; NADH 0.25 mmol/L; 2-Oxoglutarate 5 mmol/L - Thể tích: R1: 195mL/ R2: 60mL"							
20	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	"Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Uric acid trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu - Phương pháp: Uricase-PAP - Tuyến tính lên đến 25 mg/dL - Thành phần: EHSPT 0.72 mmol/L; Phosphate Buffer (pH 7.0) 100 mmol/L; Ferrocynide 0.03 mmol/L; Amino-4-antipyrine 0.37 mmol/L; Peroxidase $\geq$ 12000 U/L; Uricase $\geq$ 150 U/L; Sodium Azide < 0.1% - Thể tích: 240mL"			Hộp	4x60mL	5		
21	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	Thuốc thử này được dùng để làm sạch và bảo dưỡng cuvet			Lọ	1x1000 mL	2		

	tính axit	phản ứng và đầu hút của máy xét nghiệm sinh hóa Thể tích: 1000mL							
22	Hóa chất chống tạo bọt	" -Thuốc thử này là chất chống tạo bọt của máy xét nghiệm sinh hóa Thành phần: +Sodium Chloride < 5 % + Surfactant < 0.1 % + Sodium acetate 0.06 % Thể tích: Hộp 1000 ml"			Hộp	2x500 mL	2		
23	Thuốc thử Protein toàn phần	"- Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của total protein trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: + Potassium Iodide 6 mmol/L + Potassium sodium tartarate 21 mmol/L + Copper Sulphate 6 mmol/L + Sodium hydroxide 58 mmol/L Thể tích: 100mL"			Hộp	2x50 mL	1		
24	Thuốc thử xét nghiệm CRP	- Thuốc thử được dùng để định			Hộp	1 x 50/1 x 20	6		

		lượng Protein phản ứng C trong huyết thanh người Thành phần: CRP R1: Glycine buffer solution CRP R2: Latex suspension coated with anti-CRP antibodies. (rabbit polyclonal antibody) CRP Calibrator : Calibrator con: mentioned on the vial label Thể tích: 70mL				mL			
25	Thuốc thử định lượng RF	"- Thuốc thử dùng để định lượng yếu tố dạng thấp trong huyết thanh Thành phần: RF R1: Glycine Buffer solution RF R2: Latex suspension coated with denatured human IgG. Thể tích: Hộp 58 ml"			Hộp	2 x 20/2 x 9 ml	6		
26	Chất hiệu chuẩn RF	"- Được dùng để chuẩn bị đường cong chuẩn cho việc ước tính RF.			Hộp	1 x 1 mL	6		

		Thể tích: Hộp 1ml"							
27	Chất kiểm chuẩn RF	"- Dùng để theo dõi độ chính xác của quy trình thử nghiệm trong phòng thí nghiệm. Thành phần: + Protein control mức 1: 1 x 1 mL +Protein control mức 2: 1 x 1 mL"			Hộp	2 x 1 mL	6		
28	Hóa chất cho xét nghiệm Ethanol	"Gồm thuốc thử và chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Alcohol trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần hoặc nước tiểu người; Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard.. Thể tích: 105ml Quy cách: Hộp (R1 10x10ml, R2 1x5ml)"			Hộp	Hộp (R1 10x10ml, R2 1x5ml)	4		
29	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Ethanol	"Dùng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ tin cậy để xác định định lượng các chất đang được phân tích như quy định			Hộp	Hộp (R1 1x10ml)	2		

		trong bảng giá trị. Thành phần: R1 - Normal control ""Ammonia, ethanol, CO2"". Có quy cách: Hộp (R1 1x10ml)"							
30	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Ethanol	"Dùng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm bằng cách giám sát độ chính xác và độ tin cậy theo dõi độ chính xác để xác định nồng độ các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. Thành phần: R1 - Pathological control Ammonia, ethanol, CO2. Quy cách: Hộp (1x10mL) "			Hộp	Hộp (R1 1x10ml)	2		
Phần II: Hóa chất sử dụng cho máy miễn dịch huỳnh quang Finecare FIA Meter III Plus. FS-205									
1	fT3 Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 0.40~50.00 pmol/L (0.26~32.55 pg/mL) - Ngưỡng phát hiện:0.40 pmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/			Test	25 Test/Hộp	500		

		Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ được chỉ định: cholesterol ≤ 1000 mg/dL, bilirubin ≤ 2 mg/dL, triglycerides ≤ 3000 mg/dL.							
2	CRP Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 0.5~200 mg/L - Ngưỡng phát hiện: 0.5 mg/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: albumin ở người: 110 mg/mL; bilirubin: 6 mg/mL; hemoglobin: 10 mg/mL; cholesterol: 5 mg/mL; triglycerides: 15 mg/mL.			Test	25 Test/Hộp	500		
3	cTnI Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang			Test	25 Test/Hộp	500		

		quang - Dải phân tích: 0.1~50 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: 0.1 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: hemoglobin 10 mg/mL, bilirubin 0.2 mg/mL, triglycerides 10 mg/m							
4	HbA1c Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 4%~14.5% - Ngưỡng phát hiện 4% - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: bilirubin 0.2 mg/mL, triglycerides 10.0 mg/mL, hemoglobin 5.0 mg/mL.			Test	25 Test/Hộp	500		
5	AFP Rapid Quantitative	"- Phương pháp xét			Test	25 Test/Hộp	500		

	Test	nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 5~400 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: 5 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: Protein KN Carcinoembryonic ≤ 25.7 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤ 31.4 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤ 31.4 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤ 31.4 ng/mL...							
6	PSA Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 2.0~100.0 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: ≤ 2.0 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm			Test	25 Test/Hộp	500		

		PSA ở nồng độ xác định: Bilirubin ≤ 2 mg/dL, Triglyceride ≤ 5000 mg/dL, AFP ≤ 289 ng/mL, TPS ≤ 200 U/L...							
7	TSH Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 0.1~100 mIU/LL - Ngưỡng phát hiện: 0.1 mIU/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm TSH ở nồng độ xác định: FSH 200 mIU/mL, LH 200 mIU/mL, hCG 1000 mIU/mL, cholesterol 60 mg/mL, bilirubin 2 mg/mL, triglycerides 40.0 mg/mL, hemoglobin 10.0 mg/mL			Test	25 Test/Hộp	500		
8	β -hCG Rapid Quantitative	"- Phương pháp xét			Test	25 Test/Hộp	500		

	Test	nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 2-200000 mIU/mL - Ngưỡng phát hiện: 2 mIU/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: FSH 1000 mIU/mL, LH 500 mIU/mL, TSH 1000 μ IU/mL.							
9	CEA Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 1~500 ng/mL - Ngưỡng phát hiện:1 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương			Test	25 Test/Hộp	500		
10	T3 Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 0.61~9.22			Test	25 Test/Hộp	500		

		nmol/L (0.4~0.6 ng/mL) - Ngưỡng phát hiện:0.61 nmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương -Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ được chỉ định: cholesterol 60mg/mL, bilirubin 2 mg/mL, triglycerides 40.0 mg/mL và hemoglobin 10.0 mg/mL.							
11	T4 Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 12.87~300 nmol/L - Ngưỡng phát hiện: 12.87 nmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Kết quả của xét nghiệm không cao hơn 19 nmol/L khi nồng độ TT3 là 500ng/mL			Test	25 Test/Hộp	500		

		hoặc nồng độ rT3 là 50 ng/mL triglycerides: 15 mg/mL.							
12	fT4 Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 0.40~50.00 pmol/L (0.26~32.55 pg/mL) - Ngưỡng phát hiện:0.40 pmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ được chỉ định: cholesterol $\leq$ 1000 mg/dL, bilirubin $\leq$ 2 mg/dL, triglycerides $\leq$ 3000 mg/dL, Hemoglobin $\leq$ 1g/dL, HAMA $\leq$ 1000ng/mL			Test	25 Test/Hộp	500		
13	FSH Rapid Quantitative Test	"- Phương pháp xét nghiệm:Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 01~100mIU/mL			Test	25 Test/Hộp	500		

		- Ngưỡng phát hiện: 1 mIU/mL - Mẫu phẩm: Máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng"							
Phần III: Hóa chất dùng cho máy đông máu máy CA- 104									
1	Hoá chất xét nghiệm đông máu APTT	Xét nghiệm xác định thời gian Thromboplastin từng phần được kích hoạt trong huyết tương người (APTT) trong ống nghiệm. Thành phần R1: Cephalin: 1.00g/L; Ellagic acid: 0.034g/L; Preservative: phenol ≤0.48%; R2: CaCl ₂ : 25mmol/L. Loại mẫu: máu tĩnh mạch không dùng EDTA và heparin.			Hộp	R1:5x5ml R2:5x5ml (500 Test)	6		
2	Chất kiểm chứng xét nghiệm đông máu mức 1	Xét nghiệm kiểm soát chất lượng mức 1 đối với thuốc thử phát hiện đông máu, chủ yếu được sử dụng để kiểm soát độ chính xác. Nguyên liệu chính huyết tương người hoặc động vật, sodium citrate 0,72%, mannitol 1,0%.			Hộp	R1:5x1ml	4		

3	Hoá chất xét nghiệm đông máu PT độ nhạy cao	Xét nghiệm xác định in vitro thời gian protrombin huyết tương người. Thành phần chính Calciferous Thromboplastin 1.0%; Preservative: sodium azide ≤0.1%. Giá trị đo được của huyết tương 10 ~ 14 giây. Loại mẫu: máu tĩnh mạch không sử dụng EDTA và heparin.			Hộp	" R1:10x4ml (800 Test)"	7		
4	Cuvette đông máu máy bán tự động	Vật chứa mẫu máu và cần được sử dụng cùng với hệ thống Máy phân tích đông máu bán tự động để chẩn đoán trong ống nghiệm. Thành cốc phải đồng đều, làm từ nhựa truyền ánh sáng tốt. Không vết ố, không hư hỏng.			Hộp	200 x 4 Test	8		

Phần IV. Hóa chất máy huyết học Celltac Anpha và máy huyết học Celltac G910

1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	"Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước			Can	18 lít/ can	150		
---	---	--	--	--	-----	-------------	-----	--	--

		Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97%							
2	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	"Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7%			Chai	500ml/chai	33		
3	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	"Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049%			Can	5 lít/can	10		

4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học đậm đặc	"Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit			Can	5 lít/can	4		
5	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	"Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0%			Can	250ml/ can	18		
6	Hóa chất ly giải hồng cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy			Can	250ml/ can	18		

	dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân bạch cầu	phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11%							
7	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	"Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.069%			Can	2 lít/can	4		
8	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	"Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo)			Hộp/bộ	3x15ml	5		

		Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.1%, Sodium hydroxide <0.5%							
9	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	"Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú			Lọ	3ml/lọ	4		
10	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	"Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú			Lọ	3ml/lọ	4		

11	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	"Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú			Lọ	3ml/lọ	4		

V. Hóa chất xét nghiệm điện giải HT1

1	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích điện giải	"Chức năng: Để hiệu chuẩn 2 điểm cho Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải. Chứa chất thải sau qua trình phân tích. Quy cách: Calibration A: 430 ml; Calibration B: 110ml.			Hộp	540ml	16		
2	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích điện giải	"Chức năng: Để kích hoạt điện cực Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải Quy cách: 110 ml			Chai	110 ml	2		

3	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích điện giải	"Chức năng: Khử protein của các điện cực Na, K, Clo, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải Quy cách: 5x25 mg Protein enzym + 1x5 ml Diluent			Hộp	130ml	2		
4	Hóa chất làm đầy điện cực ISE	Chức năng: Làm đầy các điện cực ISE Electrodes, như: K, Na, Cl, Ca, Li, pH. Thê tích: 3 ml			Lọ	3ml/lọ	3		
5	Dung dịch làm đầy điện cực tham chiếu	"Chức năng: Làm đầy điện cực tham chiếu Reference Electrode Thê tích: 10 ml			Lọ	10ml	2		
6	Hóa chất chuẩn máy điện giải	"Chức năng: Vật liệu kiểm soát chất lượng cho các thông số Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong các máy phân tích điện giải. Gồm 3 mức kiểm chuẩn: QC1, QC2 và QC3. Quy cách: 10x2 ml + 10x2 ml + 10x2 ml			Hộp	60ml	2		

7	Electrode, Calcium (Ca)	"Chức năng: Điện cực chọn lọc ion Ca, dùng để đo nồng độ Ca trong mẫu. Khối lượng: 2.8 g			Cái	2,8g	1		
8	Electrode, Chloride (Cl)	"Chức năng: Điện cực chọn lọc ion Cl, dùng để đo nồng độ ion Cl trong mẫu Khối lượng: 2.8 g			Cái	2,8g	1		
9	Electrode, Potassium (K)	"Chức năng: điện cực chọn lọc ion K, dùng để đo nồng độ ion K trong mẫu Khối lượng: 2.8 g			Cái	2,8g	1		
10	Electrode, Sodium (Na)	"Chức năng: điện cực chọn lọc ion Na, dùng để đo nồng độ ion Na trong mẫu Khối lượng: 4 g			Cái	4g	1		
11	Electrode, pH	"Chức năng: Đo độ pH của mẫu Khối lượng: 4g			Cái	4g	1		

12	Electrode, Reference	"Chức năng: Điện cực tham chiếu, tạo điện thế không đổi cho dòng chất lỏng Khối lượng: 20g			Cái	20g	1		
VI. Hóa chất xét nghiệm máy huyết học Sysmex-XP 100									
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học Sysmex. Thành phần: Sodium Chloride <0.9%; Potassium Chloride <0.2%; Buffer <0.2%; Staboliser <0.01%			Thùng	20L/thùng	50		
2	Dung dịch ly giải	"Hóa chất dùng để đếm tế bào máu, định cỡ và phân biệt hồng cầu, xác định huyết sắc tố trên máy phân tích huyết học Sysmex. Thành phần: Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%"			Chai	500ml/chai	60		
3	Dung dịch rửa hệ thống ống, buồng đếm	Để làm sạch và rửa bộ phận phát hiện và hệ thống chất lỏng của máy phân tích huyết học. Dung dịch có tính kiềm mạnh, thành phần gồm Sodium Hypochlorite: 5%.			chai/Lọ	500ml/ lọ	5		

		Dung dịch không tách chiết.							
VII. Hóa chất xét nghiệm Sử dụng cho máy huyết học SWELAB ALFA									
1	Dung dịch pha loãng	– Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào. – Thành phần: + Muối ổn định isotonic <1.5%; + Thuốc chống vi trùng <0.1%; + Dung dịch đệm <0.3%. – Đóng gói: 20 lít/ thùng.			Thùng	20 lít	30		
2	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	– Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. – Thành phần: + Muối bậc 4 <1.0%; + Muối <1.5%. – Đóng gói: 05 lít/ thùng.			Thùng	5 lít	30		
3	Máu chuẩn	– Chức năng: Là máu chuẩn để hiệu chuẩn 3 mức (trung bình, thấp, cao) cho các thông số đo. – Đóng gói: 3x4.5ml/bộ.			Bộ	3x4.5 ml	1		

4	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa cuối ngày, dung tích 0.5 lít/ bình			Bình/Chai	500ml/ bình	1		
VIII. HÓA CHẤT ĐỊNH NHÓM MÁU									
1	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai			Hộp	10ml	6		
2	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai			Hộp	10ml	6		
3	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai			Hộp	10ml	6		
4	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu D	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai			Hộp	10ml	3		